

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09/01/2026

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tài;

Bà Phước Thị Kim Huê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đây - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2025/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc *“Tranh chấp ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 18 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2025 và Thông báo dời thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA, ngày 23 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị X, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp Lưu C, xã Lưu Nghiệp A, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Châu Ngọc B, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp Lưu C, xã Lưu Nghiệp A, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Thạch Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1991, bà và ông Châu Ngọc B qua thời gian quen biết và tìm hiểu khoảng hơn 01 năm thì tiến tới hôn nhân nhưng không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, đến 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông B không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt và có người phụ nữ khác bên

ngoài, bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông B vẫn không thay đổi nên vợ chồng bà đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nên từ đó bà mới làm đơn xin ly hôn. Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Châu Ngọc B.

- Về con chung tên: Châu Lâm S, sinh năm 1993 và Châu Lâm S, sinh năm 1993, đã trưởng thành bà X không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà X không tranh chấp, không khởi kiện và không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà X không tranh chấp, không khởi kiện và không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Châu Ngọc B vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều được tổng đạt đầy đủ cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Thạch Thị X và ông Châu Ngọc B là vợ chồng.

- Về con chung: Châu Lâm S, sinh năm 1993 và Châu Lâm S, sinh năm 1993, đã trưởng thành bà X không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà X không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Thạch Thị X nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

- Phần kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Châu Ngọc B là bị đơn trong vụ án vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Thạch Thị X khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Châu Ngọc B, địa chỉ: Ấp Lưu Cù 1, xã Lưu Nghiệp Anh, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13- Vĩnh Long.

[3] Về hôn nhân: Bà X và ông B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, thời gian chung sống bà X và ông B có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng bà X và ông B không đăng ký kết hôn theo quy định, từ đó xác định hôn nhân giữa bà X và ông B là không hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà X trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng bà là do ông B không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt và có người phụ nữ khác bên ngoài, bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông B không thay đổi nên vợ chồng bà đã ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông B đều vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà X xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà cương quyết xin ly hôn với ông B. Quá trình giải quyết vụ án, ông B đều vắng mặt không lý do thể hiện ông không có thiện chí hàn gắn. Xét thấy quá trình chung sống giữa bà X và ông B có xảy ra mâu thuẫn về lối sống nên ông, bà đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân bà X và ông B, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử không công nhận bà X và ông B là vợ chồng.

[4] Về con chung: Châu Lâm S, sinh năm 1993 và Châu Lâm S, sinh năm 1993, đã trưởng thành bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung của vợ chồng: Bà X không tranh chấp, không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung của vợ chồng: Bà X không tranh chấp, không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Thạch Thị X phải chịu án phí theo quy định.

Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Thạch Thị X

- *Về hôn nhân*: Không công nhận bà Thạch Thị X và ông Châu Ngọc B là vợ chồng.

- *Về con chung tên*: Châu Lâm S, sinh năm 1993 và Châu Lâm S, sinh năm 1993, đã trưởng thành bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Bà X không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung của vợ chồng*: Bà X không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc bà Thạch Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà X đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005097, ngày 10 tháng 10 năm 2025 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu. Bà X đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV 13 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phương Hà